

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2019/TT-BKHĐT

*Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2019*

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã**

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh;*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

**“Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã* quy định tại Thông tư này là văn bản hoặc bản điện tử mà cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp cho hợp tác xã ghi lại những thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế do hợp tác xã đăng ký. Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hợp tác xã.

2. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. *Bản sao hợp lệ* là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc bản sao đã được đối chiếu với bản chính hoặc bản in từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, đầu tư.

4. *Địa điểm kinh doanh* là nơi tiến hành các hoạt động kinh doanh của hợp tác xã. Địa điểm kinh doanh của hợp tác xã có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính.

5. *Đăng ký hợp tác xã* quy định tại Thông tư này bao gồm nội dung về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hợp tác xã thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã. Đăng ký hợp tác xã bao gồm đăng ký thành lập hợp tác xã, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định.

6. *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã* là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký hợp tác xã do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu hợp tác xã để phục vụ công tác đăng ký hợp tác xã.

7. *Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã* là tập hợp dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã và tình trạng pháp lý của hợp tác xã lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã có giá trị pháp lý là thông tin gốc về hợp tác xã.

8. *Số hóa hồ sơ* là việc quét dữ liệu có sẵn trên giấy nhằm chuyển dữ liệu dạng văn bản giấy sang dạng văn bản điện tử.

9. *Chuẩn hóa dữ liệu* là việc thực hiện các bước rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã”.

2. Bổ sung Điều 2a sau Điều 2 như sau:

**“Điều 2a. Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký hợp tác xã**

1. Người thành lập hợp tác xã hoặc hợp tác xã tự kê khai hồ sơ đăng ký hợp tác xã và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký hợp tác xã, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của hợp tác xã và người thành lập hợp tác xã.

3. Cơ quan đăng ký hợp tác xã không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên hợp tác xã với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa hợp tác xã với tổ chức, cá nhân khác”.

3. Sửa đổi Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Ủy quyền thực hiện đăng ký hợp tác xã**

Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 4a Thông tư này, kèm theo:

1. Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc

2. Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực”.

4. Bổ sung Điều 4a sau Điều 4 như sau:

**“Điều 4a. Các giấy tờ chứng thực cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã**

1. Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.

2. Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực”.

5. Sửa đổi Điều 5 như sau:

**“Điều 5. Ngành, nghề kinh doanh**

1. Khi đăng ký thành lập hợp tác xã, khi đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác

xã, hợp tác xã lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã. Cơ quan đăng ký hợp tác xã hướng dẫn và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

2. Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

4. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

5. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký hợp tác xã xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.

6. Trường hợp hợp tác xã có nhu cầu đăng ký ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì hợp tác xã lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã là ngành, nghề kinh doanh chi tiết hợp tác xã đã ghi.

7. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều này; trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

8. Hợp tác xã được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện

kinh doanh của hợp tác xã thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành”.

6. Sửa đổi Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hợp tác xã**

1. Người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký hợp tác xã.

2. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định;

b) Thông tin của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy định;

c) Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký hợp tác xã theo quy định.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

4. Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký hợp tác xã nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã sau khi được số hóa vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã”.

7. Bổ sung Điều 6a, 6b, 6c, 6d sau Điều 6 như sau:

**“Điều 6a. Quy trình phối hợp tạo và cấp mã số hợp tác xã**

Khi hồ sơ đăng ký hợp tác xã đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định, thông tin về hồ sơ đăng ký hợp tác xã được chuyển sang cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính).

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, Tổng cục Thuế có trách nhiệm tạo mã số hợp tác xã và chuyển mã số hợp tác xã sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã để cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp cho hợp tác xã. Thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sẽ được chuyển sang cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế.

Trường hợp Tổng cục Thuế từ chối cấp mã số hợp tác xã thì phải gửi thông tin sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, trong đó nêu rõ lý do từ chối để cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo cho hợp tác xã.

**Điều 6b. Thời hạn cấp đăng ký hợp tác xã**

1. Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập hợp tác xã hoặc hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan đăng ký hợp tác xã ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã đối với mỗi một bộ hồ sơ do hợp tác xã nộp trong 01 Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

3. Nếu quá thời hạn trên mà không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc không được thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã thì hợp tác xã có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

**Điều 6c. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã**

1. Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã.

2. Hợp tác xã có thể nhận Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trực tiếp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã hoặc qua đường bưu điện.

3. Các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã có giá trị pháp lý kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

4. Hợp tác xã có quyền yêu cầu cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

5. Hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trước khi Thông tư này có hiệu lực không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này. Hợp tác xã sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

6. Trường hợp hợp tác xã có nhu cầu đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước khi Thông tư này có hiệu lực sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, hợp tác xã nộp giấy đề nghị kèm theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế tại cơ quan đăng ký hợp tác xã để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

#### **Điều 6d. Cấp đăng ký hợp tác xã theo quy trình dự phòng**

1. Cấp đăng ký hợp tác xã theo quy trình dự phòng là việc cấp đăng ký hợp tác xã không thực hiện thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Việc cấp đăng ký hợp tác xã theo quy trình dự phòng được áp dụng trong các trường hợp sau:

- a) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã đang trong quá trình xây dựng, nâng cấp;
- b) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã gặp sự cố kỹ thuật;
- c) Các trường hợp bất khả kháng khác.

Căn cứ vào thời gian dự kiến khắc phục sự cố hoặc xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, trừ trường hợp bất khả kháng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo trước về thời gian dự kiến để cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc cấp đăng ký hợp tác xã theo quy trình dự phòng.

2. Việc phối hợp giải quyết thủ tục cấp đăng ký hợp tác xã theo quy trình dự phòng giữa cơ quan đăng ký hợp tác xã và cơ quan thuế thực hiện theo quy trình luân chuyển hồ sơ bằng bản giấy.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã kết thúc việc xây dựng, nâng cấp hoặc khắc phục sự cố, cơ quan đăng ký hợp tác xã phải cập nhật dữ liệu, thông tin đã cấp cho hợp tác xã vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã”.

8. Bổ sung Điều 8a, 8b, 8c, 8d sau Điều 8 như sau:

#### **“Điều 8a. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng**

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã đối với tổ chức tín dụng, thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng

là hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### **Điều 8b. Đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử**

1. Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hình thức đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử. Cơ quan đăng ký hợp tác xã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin, thực hiện đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng chữ ký số công cộng để đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

3. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng bản giấy.

### **Điều 8c. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ**

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy.

2. Các thông tin đăng ký hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.

3. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây:

a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định;

b) Người được cá nhân quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã. Trong trường hợp này, kèm theo hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải có các giấy tờ, tài liệu quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư này.

4. Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.



**Điều 8d. Trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng**

1. Cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 8c Thông tư này kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 8c Thông tư này sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

3. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi thông tin sang cơ quan thuế để tự động tạo mã số hợp tác xã. Sau khi nhận được mã số hợp tác xã từ cơ quan thuế, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và thông báo cho hợp tác xã về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi thông báo qua mạng điện tử cho hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

4. Quy trình đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã”.

9. Sửa đổi Điều 10 như sau:

**“Điều 10. Mã số hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, mã số địa điểm kinh doanh**

1. Mỗi hợp tác xã được cấp một mã số duy nhất gồm 10 chữ số, gọi là mã số hợp tác xã. Mã số này đồng thời là mã số thuế của hợp tác xã.

2. Mã số hợp tác xã tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của hợp tác xã và không được cấp lại cho tổ chức, cá nhân khác. Khi hợp tác xã chấm dứt hoạt động thì mã số hợp tác xã chấm dứt hiệu lực.

3. Cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng mã số hợp tác xã để quản lý và trao đổi thông tin về hợp tác xã.

4. Mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã được cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã. Mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã là mã số thuế gồm 13 chữ số, bao gồm mã số hợp tác xã và 03 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 001-999.

5. Mã số của địa điểm kinh doanh là mã số gồm 05 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 00001 đến 99999. Mã số này không phải là mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

6. Mã số hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, mã số địa điểm kinh doanh được tạo, gửi, nhận tự động bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, Hệ thống thông tin đăng ký thuế và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Thời gian bắt đầu tạo, gửi, nhận tự động mã số hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, mã số địa điểm kinh doanh căn cứ theo tiến độ triển khai Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

7. Trường hợp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do vi phạm pháp luật về thuế thì hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện không được sử dụng mã số thuế trong các giao dịch kinh tế, kể từ ngày cơ quan thuế thông báo công khai về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

8. Đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện đã thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp mã số đơn vị phụ thuộc, hợp tác xã liên hệ trực tiếp với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế 13 số, sau đó thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động tại cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định.

9. Đối với các hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), mã số hợp tác xã là mã số thuế do cơ quan thuế đã cấp cho hợp tác xã”.

10. Sửa đổi Điều 11 như sau:

**“Điều 11. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hợp tác xã có thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật thì hợp tác xã phải đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã;
- b) Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã. Nếu không thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

2. Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký thì hợp tác xã đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã và gửi thông tin đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi trước đây hợp tác xã đăng ký.

Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, hợp tác xã phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế. Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã”.

11. Sửa đổi Khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thay đổi nội dung điều lệ, nội dung đăng ký thuế, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên thì hợp tác xã phải gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Kèm theo thông báo là nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi”.

12. Sửa đổi Khoản 3 Điều 17 như sau:

“3. Sau khi nhận được hồ sơ giải thể của hợp tác xã quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi thông tin về việc hợp tác xã đăng ký giải thể cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký hợp tác xã, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc giải thể của hợp tác xã đến cơ quan đăng ký hợp tác xã.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, cơ quan đăng ký hợp tác xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của hợp tác xã và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Khi nhận thông báo về việc giải thể của hợp tác xã và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho cơ quan đăng ký hợp tác xã”.

13. Bổ sung Điều 17a sau Điều 17 như sau:

**“Điều 17a. Chấm dứt tồn tại của hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày các hợp tác xã được chia, hợp tác xã hợp nhất, hợp tác xã nhận sáp nhập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập đặt trụ sở chính thực hiện chấm dứt tồn tại đối với các hợp tác xã này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc chấm dứt tồn tại tất cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã trước khi chấm dứt tồn tại của hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi đặt trụ sở chính của hợp tác xã được chia, hợp tác xã hợp nhất, hợp tác xã nhận sáp nhập, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã được chia, hợp tác xã hợp nhất, hợp tác xã nhận sáp nhập gửi thông tin cho cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đặt trụ sở chính hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập để thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã”.

14. Sửa đổi Điều 22 như sau:

**“Điều 22. Quy định về việc đặt tên trùng hoặc gây nhầm lẫn**

1. Trước khi đăng ký tên hợp tác xã, hợp tác xã tham khảo tên các hợp tác xã đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã không được đặt tên hợp tác xã trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã trên phạm vi toàn quốc, trừ những hợp tác xã đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố hợp tác xã bị phá sản.

2. Các hợp tác xã hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng tên hợp tác xã đã đăng ký và không bắt buộc phải đăng ký đổi tên. Cơ quan đăng ký hợp tác xã khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên hợp tác xã hoặc bổ sung tên địa danh để làm yếu tố phân biệt tên hợp tác xã.

3. Cơ quan đăng ký hợp tác xã có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của hợp tác xã theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đăng ký hợp tác xã là quyết định cuối cùng”.

15. Bổ sung Điều 23a, 23b sau Điều 23 như sau:

**“Điều 23a. Chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu đăng ký hợp tác xã**

1. Trường hợp thông tin đăng ký hợp tác xã trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo hoặc hướng dẫn hợp tác xã để thực hiện việc hiệu đính thông tin và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định.

2. Trường hợp thông tin đăng ký hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hồ sơ đăng ký hợp tác xã bằng bản giấy do quá trình chuyển đổi dữ liệu, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện hoặc hướng dẫn hợp tác xã bổ sung, cập nhật thông tin theo quy định.

3. Hợp tác xã cập nhật, bổ sung thông tin về số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử (email), trang thông tin điện tử (website) khi thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

4. Việc triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu, số hóa hồ sơ, cập nhật và chuyển đổi bổ sung dữ liệu đăng ký hợp tác xã đối với các hồ sơ đăng ký hợp tác xã trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo kế hoạch hàng năm của cơ quan đăng ký hợp tác xã.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc chuyển đổi dữ liệu tại cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện, cấp tỉnh sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Các thông tin đăng ký tại cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện, cấp tỉnh là thông tin gốc về hợp tác xã khi quá trình chuyển đổi dữ liệu được thực hiện.

### **Điều 23b. Khai thác thông tin đăng ký hợp tác xã trên Hệ thống thông tin**

Thông tin đăng ký hợp tác xã được cung cấp công khai, miễn phí trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã ([www.dangkykinhdoanh.gov.vn](http://www.dangkykinhdoanh.gov.vn)) bao gồm: tên hợp tác xã, mã số hợp tác xã, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật, tình trạng pháp lý của hợp tác xã”.

### **Điều 2.**

1. Bãi bỏ điểm e Khoản 1, Khoản 3 Điều 8; điểm d Khoản 1, Khoản 4 Điều 12; điểm b Khoản 1 Điều 16; điểm c, điểm đ Khoản 2 Điều 17; Khoản 4, Khoản 5 Điều 18; Điều 24 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

2. Quy định về thời hạn cấp đăng ký hợp tác xã tại Khoản 2 Điều 7, Khoản 2 Điều 8, Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 16, Khoản 3 Điều 17, Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Quy định về việc nộp bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cấp trước khi hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới tại Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

4. Các mẫu biểu và dẫn chiếu về mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2019.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Chí Dũng**

**DANH MỤC CÁC MẪU VĂN BẢN/TỜ KHAI SỬ DỤNG  
TRONG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

*(Kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019  
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Ký hiệu</b>
<b>I</b>	<b>Mẫu văn bản quy định cho Hợp tác xã</b>	
1	Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã	Phụ lục I-1
2	Phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-2
3	Danh sách thành viên hợp tác xã	Phụ lục I-3
4	Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát, kiểm soát viên hợp tác xã	Phụ lục I-4
5	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-5
6	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	Phụ lục I-6
7	Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-7
8	Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài	Phụ lục I-8
9	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-9
10	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-10
11	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-11
12	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài	Phụ lục I-12
13	Thông báo về việc giải thể hợp tác xã	Phụ lục I-13
14	Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Phụ lục I-14



15	Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã	Phụ lục I-15
16	Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-16
17	Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-17
18	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Phụ lục I-18
19	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã năm...	Phụ lục I-19
<b>II</b>	<b><i>Mẫu văn bản quy định cho Cơ quan đăng ký hợp tác xã</i></b>	
20	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-1
21	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử	Phụ lục II-2
22	Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-3
23	Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-4
24	Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh của hợp tác xã	Phụ lục II-5
25	Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện của hợp tác xã	Phụ lục II-6
26	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục II-7
27	Thông báo về cơ quan thuế quản lý	Phụ lục II-8
28	Thông báo về việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-9
29	Thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã	Phụ lục II-10
30	Thông báo về việc vi phạm của hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-11
31	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-12

32	Quyết định về việc hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-13
33	Thông báo về việc giải thể, chấm dứt tồn tại của hợp tác xã	Phụ lục II-14
34	Giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục II-15
35	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã năm.....	Phụ lục II-16
36	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã năm.....	Phụ lục II-17
<b>III</b>	<b>Phụ lục khác</b>	
37	Danh mục chữ cái và ký hiệu sử dụng trong đặt tên hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục III-1
38	Mẫu bì Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục III-2
39	Phông (font) chữ, cỡ chữ, kiểu chữ sử dụng trong các mẫu giấy	Phụ lục III-3

**CÁCH GHI ĐỐI VỚI CÁC MẪU GIẤY**

1. Đối với đăng ký liên hiệp hợp tác xã thì trong các mẫu ghi liên hiệp hợp tác xã thay cho hợp tác xã và các cụm từ tương ứng.

2. Tên tiêu đề: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

a) Nếu là cấp tỉnh:

- Dòng trên ghi: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

- Dòng dưới ghi: PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

b) Nếu là cấp huyện:

- Dòng trên ghi: ỦY BAN NHÂN DÂN (tên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh);

- Dòng dưới ghi: PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

**Phụ lục I-1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****Đăng ký thành lập hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):..... là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

**Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:****1. Tình trạng thành lập (*đánh dấu X vào ô thích hợp*)**Thành lập mới Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã **2. Tên hợp tác xã:**Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*): .....**3. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*): .....Email (*nếu có*):..... Website (*nếu có*): .....

**4. Ngành, nghề kinh doanh<sup>1</sup>** (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

**5. Vốn điều lệ:**

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ): .....

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có): .....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không?  Có  Không

**6. Nguồn vốn điều lệ:**

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

**7. Số lượng thành viên:**.....

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:.....

Chức danh: .....

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch: .....

<sup>1</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:..... Ngày hết hạn (*nếu có*):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:.....

Quốc gia:.....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:.....

Quốc gia:.....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Fax (*nếu có*):.....

Email (*nếu có*): .....

### 9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) ( <i>nếu có</i> ): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):..... Điện thoại:.....
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán ( <i>nếu có tại thời điểm kê khai</i> ): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Điện thoại:.....

9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế ( <i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i> ): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn:..... Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:..... Tỉnh/Thành phố:..... Điện thoại ( <i>nếu có</i> ):..... Fax ( <i>nếu có</i> ):..... Email ( <i>nếu có</i> ):.....												
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động <sup>2</sup> ( <i>trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này</i> ):...../...../.....												
9.5	Hình thức hạch toán ( <i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i> ): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>												
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày...../..... đến ngày...../..... <sup>3</sup> ( <i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i> )												
9.7	Tổng số lao động ( <i>dự kiến</i> ):.....												
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không												
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT ( <i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i> ) <sup>4</sup> : <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 70%;">Khấu trừ</td> <td style="width: 5%; border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black;"></td> <td style="width: 25%; text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Trực tiếp trên GTGT</td> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black;"></td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Trực tiếp trên doanh số</td> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black;"></td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Không phải nộp thuế GTGT</td> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black;"></td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	Khấu trừ		<input type="checkbox"/>	Trực tiếp trên GTGT		<input type="checkbox"/>	Trực tiếp trên doanh số		<input type="checkbox"/>	Không phải nộp thuế GTGT		<input type="checkbox"/>
Khấu trừ		<input type="checkbox"/>											
Trực tiếp trên GTGT		<input type="checkbox"/>											
Trực tiếp trên doanh số		<input type="checkbox"/>											
Không phải nộp thuế GTGT		<input type="checkbox"/>											

<sup>2</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

<sup>3</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

<sup>4</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
	.....	.....

**10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất** (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>5</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>6</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị..... (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ  
(Ký và ghi họ tên)<sup>7</sup>**

<sup>5, 6</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>7</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.



**Phụ lục I-2****PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ****PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ**

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ**

- I. Giới thiệu tổng thể
  1. Tên hợp tác xã
  2. Địa chỉ trụ sở chính
  3. Vốn điều lệ
  4. Số lượng thành viên
  5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

**PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH**

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
  1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
  2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
  3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

---

---

**PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH**

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

**PHẦN V. KẾT LUẬN**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
*(Ký và ghi họ tên)<sup>1</sup>*

---

<sup>1</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-3**  
**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ**

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên <sup>1</sup>	Ghi chú
									Giá trị phân vốn góp (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

**Phụ lục I-4**  
**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),**  
**BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>A. Danh sách Hội đồng quản trị</b>										
1										
2										
<b>B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b>										
<b>C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)</b>										
1										
2										

....., ngày.... tháng.... năm...  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA HỢP TÁC XÃ**  
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>1</sup>*

<sup>1</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

**Phụ lục I-5****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã*)a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã:.....

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã:.....

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã*):a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>2</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>3</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị..... (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện  
chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại  
diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

**Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/  
thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:**

(*Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/  
thông báo thay đổi và gửi kèm*)

<sup>2,3</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

---

---

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*): .....

.....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*): .....

.....

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH****Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.



## ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH<sup>4</sup>

**1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

**2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

**3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

**4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

<sup>4</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

**Lưu ý:**

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

---

---

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ**

Vốn điều lệ đã đăng ký (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):.....

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không?  Có  Không

Thời điểm thay đổi vốn:.....

Hình thức tăng, giảm vốn: .....

---

---

THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.

(Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

## THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):..... Điện thoại:.....
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) <sup>5</sup> : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Điện thoại:.....
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn:..... Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:..... Tỉnh/Thành phố:..... Điện thoại:..... Fax (nếu có):..... Email (nếu có):.....
4	Ngày bắt đầu hoạt động <sup>6</sup> :...../...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày...../..... đến ngày...../..... <sup>7</sup> (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
7	Tổng số lao động:.....

<sup>5</sup> Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

<sup>6</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

<sup>7</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không				
9	Phương pháp tính thuế GTGT ( <i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i> ) <sup>8</sup> : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" data-bbox="300 815 1406 945"> <thead> <tr> <th data-bbox="300 815 842 882">Tên ngân hàng</th> <th data-bbox="842 815 1406 882">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="300 882 842 945">.....</td> <td data-bbox="842 882 1406 945">.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng	.....	.....
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....	.....				

<sup>8</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

**ĐĂNG KÝ  
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):..... Giới tính:.....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

- |                                              |                                                            |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Chứng minh nhân dân | <input type="checkbox"/> Căn cước công dân                 |
| <input type="checkbox"/> Hộ chiếu            | <input type="checkbox"/> Loại khác ( <i>ghi rõ</i> ):..... |

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:..... Ngày hết hạn (*nếu có*):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia:.....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia:.....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Fax (*nếu có*):.....

Email (*nếu có*):.....

Đề nghị..... (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

---

---

THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN  
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

**Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:**

.....

.....

.....



Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>9</sup>*

---

<sup>9</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

**Phụ lục I-6****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup> (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

**Hợp tác xã thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã như sau:** (*Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung thông báo và gửi kèm*)

---

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

## THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN

**1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn**

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....**2. Số vốn góp:** .....

---

---

THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN

**1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần**

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

**2. Số cổ phần:** .....

**3. Mệnh giá cổ phần:** .....

**4. Giá trị số cổ phần đã mua:**.....

**THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP****1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập**

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

**2. Vốn điều lệ:** .....

Hợp tác xã cam kết:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>*

---

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-7****TÊN HỢP TÁC XÃ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện,  
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup> (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....**Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:****1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt** (*ghi bằng chữ in hoa*):.....Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): .....**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Fax (*nếu có*):.....Email (*nếu có*):..... Website (*nếu có*):.....<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:**

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện): .....

**4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Họ tên người đại diện (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:..... Ngày hết hạn (nếu có):.../.../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố:.....

Quốc gia: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố:.....

Quốc gia: .....



Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): .....

**5. Chi nhánh chủ quản** (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh): .....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

**6. Thông tin đăng ký thuế:**

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
6.1	<p>Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):</p> <p>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....</p> <p>Xã/Phường/Thị trấn:.....</p> <p>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....</p> <p>Tỉnh/Thành phố:.....</p> <p>Điện thoại:..... Fax (nếu có):.....</p> <p>Email (nếu có):.....</p>
6.2	<p>Ngày bắt đầu hoạt động<sup>2</sup> (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này):...../...../.....</p>
6.3	<p>Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):</p> <p>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/></p> <p>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/></p>

<sup>2</sup> Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

6.4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày...../..... đến ngày...../..... <sup>3</sup> (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)							
6.5	Tổng số lao động (dự kiến):.....							
6.6	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/ BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không							
6.7	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) <sup>4</sup> :							
	Khấu trừ	<input type="checkbox"/>						
	Trực tiếp trên GTGT	<input type="checkbox"/>						
	Trực tiếp trên doanh số	<input type="checkbox"/>						
	Không phải nộp thuế GTGT	<input type="checkbox"/>						
6.8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:							
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>		Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng	.....	.....	.....	.....
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng							
.....	.....							
.....	.....							

Hợp tác xã cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>5</sup>**

<sup>3</sup> Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

<sup>4</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

<sup>5</sup> - Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã thì người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh thì người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-8****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện,  
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

**Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh  
ở nước ngoài như sau:****1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in  
hoa*):**.....Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước  
ngoài (*nếu có*):.....Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): .....**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

.....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Fax (*nếu có*):.....Email (*nếu có*):..... Website (*nếu có*):.....**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm  
kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác:**.....Do (*tên cơ quan nước ngoài cấp*):..... cấp ngày:...../...../.....<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:**a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh/địa điểm kinh doanh*): .....b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*): .....**5. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**Họ tên người đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:..... Ngày hết hạn (*nếu có*):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia:.....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Fax (*nếu có*):.....Email (*nếu có*):.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-9****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh,  
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng  
đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của  
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh  
doanh của hợp tác xã (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại  
diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa  
điểm kinh doanh*):.....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp:.....

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung  
đăng ký hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):..... Ngày cấp:...../...../.....

Nơi cấp: .....

**Nội dung đăng ký thay đổi:**

.....  
.....  
.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)<sup>2</sup>**

---

2

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-10****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh,  
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày  
cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....**1. Đối với hợp tác xã:**Thông báo tạm ngừng kinh doanh từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày....  
tháng.... năm....

Lý do tạm ngừng:.....

Sau khi hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh, đề nghị..... (*tên cơ  
quan đăng ký hợp tác xã*) chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn  
phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia  
về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng tạm ngừng hoạt động.**2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động:**Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày....  
tháng.... năm.... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

.....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của  
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):..... Ngày cấp:...../...../.....  
Nơi cấp: .....

Lý do tạm ngừng:.....

Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

---

2

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.



**Phụ lục I-11****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup> (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sau:****1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):**.....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*): ..**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*):.....Email (*nếu có*):..... Website (*nếu có*):.....<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**3. Chi nhánh chủ quản** (chỉ kê khai đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh): .....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

**4. Lý do chấm dứt hoạt động:** .....

Hợp tác xã cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

---

<sup>2</sup>

- Trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp chấm dứt hoạt động đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-12****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện,  
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày  
cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm  
kinh doanh sau:****1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in  
hoa*):**.....Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước  
ngoài (*nếu có*):.....Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): .....**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*):.....Email (*nếu có*):..... Website (*nếu có*):.....**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm  
kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác:**.....Do (*tên cơ quan nước ngoài cấp*):..... cấp ngày:...../...../.....Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp  
pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ***(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>*<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-13****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc giải thể hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

**Thông báo về việc giải thể hợp tác xã như sau:***Trường hợp hợp tác xã gửi Quyết định giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:*

Quyết định giải thể số:..... ngày.../...../.....

Lý do giải thể:.....

.....

.....

Kính đề nghị..... (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của hợp tác xã (*nếu có*) trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

*Trường hợp hợp tác xã nộp hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 4 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:*<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Hợp tác xã cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản. Kính đề nghị..... (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể. Hợp tác xã hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)<sup>2</sup>

---

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-14****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,  
Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng  
đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

**Đề nghị hiệu đính nội dung thông tin như sau:**

- Thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã hiện nay là: .....

.....

- Thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng  
ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận  
đăng ký địa điểm kinh doanh hiện nay là:.....

.....

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai trong trường hợp hiệu đính thông tin trong  
Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*)

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (*trường hợp không có mã  
số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):.....

---

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Ngày cấp: ...../ ...../ .....Nơi cấp:.....

Do vậy, đề nghị.....(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo đúng thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã mà hợp tác xã đã đăng ký.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**  
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>*

---

2

- Trường hợp hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp hiệu đính thông tin của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-15****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã,  
tình trạng hoạt động của hợp tác xã**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã).....

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã /Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Sau khi rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã, hợp tác xã xác nhận (*đánh dấu X vào phần kết quả phù hợp với kết quả kiểm tra của hợp tác xã*):

- I. Thông tin đăng ký hợp tác xã là đầy đủ, chính xác
- II. Thông tin đăng ký hợp tác xã còn thiếu
- III. Thông tin đăng ký hợp tác xã chưa thống nhất giữa nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc khác so với thông tin hiện tại của hợp tác xã đã thay đổi nhưng hợp tác xã chưa đăng ký

*Hợp tác xã cập nhật chính xác những thông tin còn thiếu tại Mục II:*

<b>Thông tin đăng ký kinh doanh</b>	<b>Thông tin đăng ký thuế</b>
1. Đối với hợp tác xã: .....	1. Đối với hợp tác xã: .....
2. Các chi nhánh: .....	2. Các chi nhánh: .....

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.



3. Các văn phòng đại diện: .....	3. Các văn phòng đại diện: .....
4. Các địa điểm kinh doanh .....	4. Các địa điểm kinh doanh .....

Hợp tác xã cam kết:

- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Điều 28 Luật Hợp tác xã trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày.....  
(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) gửi Thông báo rà soát (chỉ kê khai mục này nếu đánh dấu X vào Mục III).

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-16****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****Hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã do chuyển đổi  
trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

**Đề nghị bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin như sau:**

- Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã hiện nay là: .....

.....

- Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng  
ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là giấy chứng  
nhận đăng ký kinh doanh) hiện nay là: .....

.....

Do vậy, đề nghị..... (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*)  
bổ sung, hiệu đính thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã  
theo đúng thông tin trên Giấy chứng nhận mà hợp tác xã đã đăng ký.Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp  
pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ***(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>*<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-17****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau<sup>2</sup>:

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>2</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

- Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính <i>(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)</i>

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>3</sup>*

---

<sup>3</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-18****TÊN HỢP TÁC XÃ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,  
Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký  
văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup>  
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận  
đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng  
nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*chỉ kê khai  
trong trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng  
đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng  
nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

---

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):..... Ngày cấp:...../...../.....

Nơi cấp: .....

Lý do đề nghị cấp lại: .....

.....

.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

---

2

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

(Xem tiếp Công báo số 407 + 408)

---

---

## VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng